



Bảng dữ liệu an toàn

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Số SDS: 510615
V001.7

Sửa đổi: 13.06.2025

ngày in: 14.10.2025

Mục 1. Xác định chất/chế phẩm và công ty/doanh nghiệp

Tên sản phẩm: TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Các phương tiện nhận dạng khác: TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Mã sản phẩm: IDH1990957

Khuyến cáo sử dụng hóa chất và hạn chế sử dụng

Mục đích sử dụng: Keo nóng chảy

Công ty đại diện nhà sản xuất/nhà nhập khẩu/nhà phân phối
Công ty TNHH Henkel Adhesive Tech. Việt Nam,
Số 7, Đường 9A, Khu công nghiệp Biên Hòa II,
Thành phố Biên Hòa,
810000 Tỉnh Đồng Nai

Việt Nam

Điện: +84 (28) 7100 6301
Số fax: +84 (28) 7100 6300

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm về Dữ liệu An toàn
Tờ giấy: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Điện thoại khẩn cấp cho
Tai nạn hóa chất: CHỈ DÀNH CHO CÁC TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn, rò rỉ lớn, Hỏa hoạn, Tiếp xúc hoặc Tai nạn). Gọi: +84 28 71006388

Mục 2. Nhận dạng mối nguy hiểm

Phân loại GHS:

Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS).

Các yếu tố nhãn GHS:

Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là nguy hiểm theo Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS).

Mục 3. Thành phần / thông tin về thành phần

Chất hoặc hỗn hợp:

Hỗn hợp

Khai báo hóa chất nguy hiểm:

Thành phần nguy hiểm CAS-No.	Nội dung	Phân loại GHS
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	10-30%	

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Mục 4. Các biện pháp sơ cứu

Hít vào:	Di chuyển đến nơi có không khí trong lành, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu tình trạng vẫn còn.
Tiếp xúc với da:	Sau khi tiếp xúc với keo nóng chảy: làm mát bằng nước, tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Giao tiếp bằng mắt:	Sau khi tiếp xúc với keo nóng chảy: làm mát bằng nước, tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Tiêu hóa:	Nếu có tác dụng phụ ảnh hưởng đến sức khỏe, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.

Mục 5. Biện pháp phòng cháy chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:	Tất cả các chất chữa cháy thông thường đều phù hợp.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp:	Máy phun nước áp suất cao
Thiết bị bảo vệ đặc biệt và các biện pháp phòng ngừa cho lính cứu hỏa:	Tránh xa những nhân viên không cần thiết. Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ. Đeo thiết bị hỗ trợ thở.
Sản phẩm cháy nguy hiểm: carbon monoxide	Khí cacbonic Hơi độc hại và gây kích ứng.
Lời khuyên bổ sung về chữa cháy:	Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Không được đổ nước này vào cống rãnh.

Mục 6. Các biện pháp xử lý phát hành ngẫu nhiên

Biện pháp phòng ngừa cá nhân:	Đảm bảo thông gió đầy đủ. Xem lời khuyên ở phần 8
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường:	Không đổ vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.
Phương pháp làm sạch:	Đề đông lại. Tháo ra bằng phương pháp cơ học. Xử lý vật liệu bị ô nhiễm như chất thải theo Mục 13.

Mục 7. Xử lý và lưu trữ

Xử lý:	Khí sử dụng không được ăn, uống hoặc hút thuốc. Đề xa tầm tay trẻ em. Xem lời khuyên ở phần 8 Tránh tiếp xúc với da và mắt. Đảm bảo thông gió/hút tốt tại nơi làm việc.
Kho:	Giữ kín hộp đựng. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Đảm bảo rằng kho chứa và phòng làm việc được thông gió đầy đủ. Nhiệt độ từ + 5 °C đến + 40 °C.

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Mục 8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Các thành phần có thông số kiểm soát cụ thể cho nơi làm việc:

Đầu khoáng, không bao gồm chất lỏng gia công kim loại, tinh khiết, được tinh chế cao và nghiêm ngặt, phần có thể hít vào 8042-47-5	Kiểu giá trị	Trung bình có trọng số theo thời gian (TWA):
	mg/m3	5
	Nhận xét	ACGIH
Đầu khoáng (sương mù) 8042-47-5	Kiểu giá trị	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (STEL):
	mg/m3	10
	Nhận xét	VN OEL
Đầu khoáng (sương mù) 8042-47-5	Kiểu giá trị	Trung bình có trọng số theo thời gian (TWA):
	mg/m3	5
	Nhận xét	VN OEL

- Bảo vệ hô hấp:

Mặt nạ thở phù hợp khi không có đủ thông gió.
- Bảo vệ tay:

Đeo găng tay chịu nhiệt khi làm việc với keo nóng chảy (EN 407).
- Bảo vệ mắt:

Đeo kính bảo hộ.
- Bảo vệ cơ thể:

Mặc đồ bảo hộ.
- Kiểm soát kỹ thuật:

Cung cấp hệ thống thông gió cục bộ và thông gió chung để loại bỏ và ngăn ngừa hiệu quả sự tích tụ của bất kỳ hơi hoặc sương mù nào phát sinh trong quá trình xử lý sản phẩm này.
- Bảo vệ và vệ sinh chung đo:

Nơi làm việc phải được trang bị vòi sen khăn cấp và thiết bị rửa mắt.
- Các biện pháp vệ sinh:

Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và sau khi hoàn thành công việc.
Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi làm việc.
Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

Mục 9. Tính chất vật lý và hóa học

- Về bề ngoài:

Vàng nhạt
- Mùi:

không mùi
- Ngưỡng mùi (CA): pH:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Điểm nóng chảy / điểm đóng băng:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Trọng lượng riêng:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Điểm sôi:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Điểm chớp cháy:

Không áp dụng
- Tốc độ bay hơi:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Tính dễ cháy (rắn, khí):

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Giới hạn nổ dưới:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Giới hạn nổ trên:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Áp suất hơi:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Mật độ hơi:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Tỉ trọng:

0,95 g/cm3
- Độ hòa tan:

Không hòa tan
- Hệ số phân chia: n-octanol/ nước:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Tự động đánh lửa:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Nhiệt độ phân hủy:

Không có dữ liệu nào có sẵn.
- Độ nhớt:

1.200 - 2.000 mPa.s (; 20 °C (68 °F); Phương pháp: ; ; Độ nhớt Brookfield (LVT, RVT, HBT))

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Hàm lượng VOC: Không có dữ liệu nào có sẵn.

Mục 10. Độ ổn định và khả năng phản ứng

Vật liệu phản ứng/không tương thích: Không có gì nếu sử dụng đúng mục đích.

Độ ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện bảo quản được khuyến nghị.

Các điều kiện cần tránh: Không biết liệu nó có được sử dụng đúng mục đích hay không.

Tiếp xúc lâu dài với nhiệt độ cao.

Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Không bị phân hủy nếu sử dụng theo đúng thông số kỹ thuật.

Mục 11. Thông tin về độc tính

Thông tin chung về độc tính: Theo hiểu biết của chúng tôi, sản phẩm không gây ra tác hại nào nếu được xử lý và sử dụng đúng cách.

Các triệu chứng của việc tiếp xúc quá mức: Không có thông tin nào được biết.

Độc tính cấp tính qua đường uống:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	LD50
	Giá trị	> 5.000 mg/kg
	Giống loài	con chuột
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 401 (Độc tính cấp tính qua đường miệng)

Độc tính hít phải cấp tính:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	LC50
	Giá trị	> 5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 giờ
	Giống loài	con chuột
Phương pháp		Hướng dẫn OECD 403 (Độc tính hít phải cấp tính)

Độc tính cấp tính qua da:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	LD50
	Giá trị	> 2.000 mg/kg
	Giống loài	con thỏ
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 402 (Độc tính cấp tính qua da)

Ăn mòn/kích ứng da:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Giống loài	con thỏ
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 404 (Kích ứng da cấp tính / Ăn mòn)

Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Giống loài	con thỏ
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 405 (Kích ứng mắt cấp tính / Ăn mòn)

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Gây dị ứng da hoặc hô hấp:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	không gây nhạy cảm
	Loại thử nghiệm	Kiểm tra Buehler
	Giống loài	chuột lang
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 406 (Nhạy cảm da)

Tính gây đột biến tế bào mầm:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	tiêu cực
	Loại nghiên cứu / Lộ trình quản lý	xét nghiệm đột biến ngược vi khuẩn (ví dụ xét nghiệm Ames)
	Kích hoạt chuyển hóa / Thời gian tiếp xúc	với
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 471 (Xét nghiệm đột biến ngược vi khuẩn)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	tiêu cực
	Loại nghiên cứu / Lộ trình quản lý	xét nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú
	Kích hoạt chuyển hóa / Thời gian tiếp xúc	có và không có
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 476 (Xét nghiệm đột biến gen tế bào động vật có vú trong ống nghiệm)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	tiêu cực
	Loại nghiên cứu / Lộ trình quản lý	trong phúc mạc
	Kích hoạt chuyển hóa / Thời gian tiếp xúc	
	Giống loài	chuột
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 474 (Hồng cầu động vật có vú Thử nghiệm vi nhân)

Độc tính liều lặp lại:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	NOAEL>= 1.200 mg/kg
	Đường áp dụng	miệng: thức ăn
	Thời gian tiếp xúc / Tần suất điều trị	24 giờ mỗi ngày
	Giống loài	Loài chuột
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 453 (Độc tính mãn tính kết hợp / Nghiên cứu về khả năng gây ung thư)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	NOAEL>= 50 mg/m3
	Đường áp dụng	hít phải: khí dung
	Thời gian tiếp xúc / Tần suất điều trị	4 w6 h/d, 5 d/w
	Giống loài	Loài chuột
	Phương pháp	tương đương hoặc tương tự với Hướng dẫn OECD 412 (Lập lại Liều lượng Độc tính khi hít phải: 28/14 ngày)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	NOAEL>= 2.000 mg/kg
	Đường áp dụng	da
	Thời gian tiếp xúc / Tần suất điều trị	13 tuần mỗi ngày
	Giống loài	Loài chuột
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 411 (Độc tính qua da bán mãn tính: 90-Học ban ngày)

Mục 12. Thông tin sinh thái

Thông tin sinh thái chung: Không đổ vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm.

Độc tính:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	LL50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độc tính cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 giờ
	Giống loài	Oncorhynchus mykiss
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 203 (Cá, Thử nghiệm độc tính cấp tính)

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	EL50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độc tính cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 giờ
	Giống loài	Daphnia magna
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 202 (Thử nghiệm bất động cấp tính Daphnia sp.)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	NOELR
	Giá trị	100 mg/l
	Nghiên cứu độc tính cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 giờ
	Giống loài	Pseudokirchneriella subcapitata
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 201 (Tảo, Thử nghiệm ức chế tăng trưởng)
Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kiểu giá trị	IC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độc tính cấp tính	Vì khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	93 ngày
	Giống loài	khác:
	Phương pháp	hướng dẫn khác:

Tính bền vững và khả năng phân hủy:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	Kết quả	không dễ phân hủy sinh học.
	Đường áp dụng	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	31,3%
	Phương pháp	Hướng dẫn OECD 301 F (Khả năng phân hủy sinh học dễ dàng: Thử nghiệm đo áp suất hô hấp)

Tiềm năng tích lũy sinh học / Khả năng di chuyển trong đất:

Dầu khoáng trắng (dầu mỏ), được tinh chế cao 8042-47-5	LogPow	> 4
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	Phương pháp A.8 của EU (Hệ số phân chia)

Mục 13. Các cân nhắc về việc xử lý

Sản phẩm

Phương pháp xử lý: Xử lý theo quy định của địa phương và quốc gia.

Bao bì

Xử lý bao bì chưa được làm sạch: Bao bì không thể làm sạch được phải được xử lý theo cách tương tự như xử lý sản phẩm.

Mục 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải đường bộ ADR:
Không phải hàng nguy hiểm

Vận tải đường sắt RID:
Không phải hàng nguy hiểm

Vận tải đường thủy nội địa ADN:
Không phải hàng nguy hiểm

Vận tải biển IMDG:
Không phải hàng nguy hiểm

Vận tải hàng không IATA:
Không phải hàng nguy hiểm

Mục 15. Thông tin quy định

Thông tin quy định: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên

LUẬT HÓA CHẤT SỐ 06/2007/QH12, ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Nghị định số 113/2017/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2017;

Thông tư số 32/2017/TT-BCT quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2017;

Nghị định số 82/2022/NĐ-CP SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2017/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT, ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2022;

Thông tư số 17/2022/TT-BCT SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 32/2017/TT-BCT NGÀY 28 THÁNG 12 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG VỀ VIỆC CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2017/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 10 NĂM 2017 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Tình trạng hàng tồn kho toàn cầu:

Danh sách quy định	Thông báo
DSL	Đúng
KECI (KR)	Đúng
ENCS (Nhật Bản)	Đúng
IECSC	Đúng
Tất cả	Đúng
TCSI	Đúng
PICCS (PH)	Đúng

Số SDS: 510615
V001.7

TECHNOMELT MELTACE 925 20KG

Mục 16. Thông tin khác

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm:

Bảng dữ liệu an toàn này được xây dựng dựa trên LUẬT HÓA CHẤT số 108/2008/QH13.
06/2007/QH12; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; Thông tư số 32/2017/TT-BCT; Nghị định số
Nghị định số 82/2022/NĐ-CP và Thông tư số 17/2022/TT-BCT.

Không có bất kỳ bảo đảm hoặc tuyên bố nào liên quan đến luật xuất khẩu hoặc luật thực chất của bất
kỳ khu vực pháp lý hoặc quốc gia nào khác. Vui lòng xác nhận rằng thông tin được cung cấp ở đây
tuân thủ luật xuất khẩu hoặc luật khác của bất kỳ khu vực pháp lý nào khác trước khi xuất khẩu. Vui lòng
liên hệ với Bộ phận An toàn Sản phẩm và Pháp lý của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này
dựa trên kiến thức hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại tiểu bang nơi sản phẩm được
giao. Thông tin này nhằm mục đích mô tả sản phẩm của chúng tôi theo quan điểm về các yêu cầu an toàn
và không nhằm mục đích đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào.

Kính gửi Quý khách hàng,

Henkel cam kết kiến tạo một tương lai bền vững bằng cách thúc đẩy các cơ hội trên toàn bộ chuỗi giá trị.
Nếu bạn muốn đóng góp bằng cách chuyển đổi từ bản giấy sang bản điện tử của SDS, vui lòng liên hệ
với đại diện Dịch vụ Khách hàng tại địa phương. Chúng tôi khuyến nghị bạn sử dụng địa chỉ email không
phải là email cá nhân (ví dụ: SDS@your_company.com).